TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **170**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tới.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2024 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thùy L, sinh năm 1981.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2024 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện: Vào năm 1998 chị L và anh T tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 25/3/2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2008). Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn T1, sinh năm 1999 (hiện đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng). Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn chị L xác định vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2009 cho đến nay.

Chị L yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và hai lần để xét xử nhưng đều

vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân chị L và anh T không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập các bên 02 lần để tham gia hoà giải, nhưng anh T đều không đến và chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh T, nên có căn cứ xác định được chị L và anh T không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình (LHNGĐ). (Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2008 ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:* Đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng, nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ và xem xét phần tài sản chung giữa chị L và anh T. Do đó, cần tách

phần tài sản chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (Nghị quyết 326). Chị L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của BLTTDS; Điều 51, Điều 56 LHNGĐ; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy L.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thùy L ly hôn với anh Trần Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2008 ngày 25/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Nguyễn Thùy L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004396 ngày 15/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- UBND xã Khánh Bình Đông;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải